

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Thực hiện Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Trí tuệ nhân tạo (TTNT) là một lĩnh vực công nghệ nền tảng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần quan trọng tạo bước phát triển đột phá về năng lực sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương và quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

2. Kế thừa và phát huy những thành tựu mới nhất của nhân loại, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT gắn với các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển khoa học và công nghệ; phát huy tiềm năng của doanh nghiệp, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực; từng bước nhận chuyển giao, làm chủ, tiến tới sáng tạo công nghệ.

3. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm ứng dụng TTNT trong một số lĩnh vực liên quan tới an ninh, quốc phòng, quản lý tài nguyên, môi trường và dịch vụ cho người dân; phát triển các doanh nghiệp ứng dụng TTNT, doanh nghiệp khởi nghiệp về TTNT.

II. MỤC TIÊU

Từng bước tiếp cận, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng TTNT, góp phần xây dựng xã hội sáng tạo, chính quyền hiệu quả, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững

1. Đến năm 2025

- Bước đầu ứng dụng TTNT trong hành chính công, dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian xử lý công việc, nhân lực bộ máy, giảm thời gian chờ đợi và chi phí của người dân;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý hành chính nhà nước trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, quản lý xã hội và quản lý đô thị.

2. Đến năm 2030

- Phổ cập được kỹ năng cơ bản về ứng dụng TTNT cho đội ngũ lao động trực tiếp, phục vụ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân;

- Ứng dụng CNTT phục vụ các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố, dịch bệnh;
- Cùng với chuyển đổi số, ứng dụng CNTT góp phần thúc đẩy tăng trưởng một số ngành kinh tế.

III. ĐỊNH HƯỚNG

1. Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến CNTT

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp lý đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT vào cuộc sống;
- Ứng dụng CNTT theo phương châm lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm, tránh lạm dụng công nghệ và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở để nghiên cứu, phát triển các ứng dụng CNTT. Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc các bên cùng có lợi, tạo động lực để chia sẻ, đồng thời bảo đảm được phân quyền truy cập dữ liệu, tránh để lộ, lọt thông tin dữ liệu có tính riêng tư của cá nhân, tổ chức.

3. Phát triển hệ sinh thái CNTT

- Triển khai phổ cập kỹ năng cơ bản về ứng dụng CNTT và khoa học dữ liệu (KHDL) nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho sinh viên, thanh niên, thiếu niên. Thúc đẩy triển khai các hình thức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về CNTT cho sinh viên thuộc các ngành nghề khác nhau, người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp;
- Tập trung đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng, tiến tới nghiên cứu phát triển một số nền tảng, sản phẩm CNTT cấp thiết và quan trọng. Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu, phát triển trong các lĩnh vực khác;
- Triển khai các giải pháp huy động vốn đầu tư cho phát triển các doanh nghiệp và thương hiệu về CNTT ở Hà Nam.

4. Thúc đẩy ứng dụng CNTT

- Thúc đẩy hình thành một số doanh nghiệp triển khai, phát triển và ứng dụng CNTT đối với các lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và kinh phí đầu tư. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng phần mềm và ứng dụng mở về CNTT sẵn có;
- Ứng dụng và phát triển một số sản phẩm CNTT đặc thù; thúc đẩy các đơn vị, địa phương sử dụng các ứng dụng, dịch vụ CNTT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý đô thị;
- Nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp, người dân về dữ liệu và ứng dụng CNTT.

5. Thúc đẩy hợp tác về CNTT

- Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học về TTNT. Thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu TTNT; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp địa phương với các doanh nghiệp nước ngoài về TTNT; các trung tâm, chương trình đào tạo nhân lực TTNT chất lượng cao;

- Tham gia các hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về TTNT. Mời các chuyên gia TTNT về Hà Nam tham gia tư vấn, nghiên cứu, đào tạo về TTNT;

- Hoàn thiện thể chế, các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, các tập đoàn công nghệ cao đa quốc gia xây dựng trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT ở Hà Nam.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT đến năm 2030, bên cạnh việc đẩy mạnh việc thực hiện các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1722/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 về hỗ trợ phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Nam đến năm 2025, số 3369/KH-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, số 3705/KH-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hà Nam, các đơn vị, địa phương cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Cập nhật, tham mưu xây dựng và hoàn thiện, bổ sung các cơ chế chính sách về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến TTNT;

- Kết nối các cộng đồng TTNT, cộng đồng khoa học mở ở Việt Nam; tổ chức các hoạt động kết nối các cộng đồng học thuật, nghiên cứu; cộng đồng nghề nghiệp phát triển và ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu (KHDL);

- Triển khai mạnh mẽ hình thức hợp tác công - tư, hỗ trợ đầu tư hình thành các nhóm nghiên cứu về TTNT và KHDL trong một số cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu công lập trên địa bàn tỉnh;

- Thúc đẩy hình thành các nhóm chuyên môn mở trong các lĩnh vực, cho phép rút ngắn thời gian hoàn thành các kết quả nghiên cứu; thúc đẩy sử dụng dùng chung, chia sẻ, mở dữ liệu, công nghệ và ứng dụng TTNT theo hướng đa ngành, liên ngành và xuyên ngành để đẩy nhanh tốc độ hình thành các kết quả và nâng cao hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các lĩnh vực khác; tập huấn rộng rãi các nền tảng mở về dữ liệu và ứng dụng TTNT; khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng đơn vị nghiên cứu, cơ sở giáo dục triển khai nghiên cứu, phát triển sản phẩm TTNT đặc thù;

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các chuỗi sự kiện về TTNT; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức của địa phương tham gia các hội thảo, triển lãm, kỳ thi quốc tế về TTNT; tạo mọi điều kiện thúc đẩy hình thành các cơ sở, trung tâm hợp tác

ngiên cứu TTNT; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương về TTNT;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về KHDL và TTNT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo về việc thực hiện các giao dịch điện tử, thiết lập và chia sẻ dữ liệu, các khung thể chế thử nghiệm, tạo ra chính sách, môi trường thuận lợi để thử nghiệm TTNT trong các lĩnh vực có tiềm năng và thế mạnh của tỉnh;

- Xây dựng quy chế, danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh và kết nối, chia sẻ, mở với các trung tâm dữ liệu khác; thúc đẩy văn hóa xây dựng và dùng chung, chia sẻ, mở dữ liệu trong các cơ quan, doanh nghiệp, người dân; thúc đẩy thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia của tỉnh; tập trung đầu tư công nhằm hình thành các cơ sở dữ liệu hành chính dùng chung, chia sẻ, mở trong quá trình triển khai Chính quyền điện tử tỉnh; xây dựng khung chia sẻ dữ liệu tin cậy nhằm thúc đẩy hợp tác chia sẻ dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cá nhân thuộc khu vực tư nhân; tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh, chia sẻ, mở của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh lên Cổng dữ liệu quốc gia;

- Triển khai đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và quản lý đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và phát triển sản phẩm TTNT trong các cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp;

- Xây dựng cơ chế ưu đãi, triển khai công nghệ TTNT, KHDL thúc đẩy chuyển đổi số; xây dựng và cung cấp hạ tầng kỹ thuật, cung ứng dịch vụ TTNT, KHDL thúc đẩy chuyển đổi số, dịch vụ và ứng dụng TTNT hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng của thị trường, đáp ứng nhu cầu của các thị trường logistics, thương mại điện tử và kinh tế số trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp cận, triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực đảm bảo an toàn dữ liệu, an toàn, an ninh mạng; quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công, viễn thông; xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển nền tảng mở về dữ liệu và phần mềm ứng dụng TTNT;

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Nam, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố tập trung tuyên truyền về dữ liệu và ứng dụng TTNT, vai trò, lợi ích của TTNT, các kỹ năng cơ bản cần thiết để đón nhận, phát triển các ứng dụng TTNT.

3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Ngiên cứu, triển khai ứng dụng TTNT trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, trong xây dựng các phương án tác chiến, trong các hệ thống phòng thủ quốc gia, hệ thống phòng, ứng phó và phản ứng nhanh đối với chiến tranh mạng, sinh học, hóa học và các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố, dịch bệnh.

4. Công an tỉnh theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ công an

- Triển khai các văn bản pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư, quyền con người, về an ninh trật tự có liên quan đến hoạt động phát triển và ứng dụng CNTT và về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các hoạt động lên quan tới CNTT ;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai kết nối với trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, tính toán sương mù;

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong các hệ thống an ninh quốc gia, hệ thống quản lý xuất - nhập cảnh, hệ thống kiểm soát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai các chương trình đào tạo phù hợp với các đối tượng người học; triển khai đại trà các chương trình phổ cập kỹ năng xây dựng dữ liệu, ứng dụng CNTT cho người học;

- Từng bước triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục: dự đoán nhu cầu công việc của thị trường; xác định tiêu chí đánh giá người học, hỗ trợ người học xác định được thế mạnh việc làm khi tốt nghiệp; tự động hóa quy trình nghiệp vụ của giáo viên; xác định các tiêu chí nhằm đạt mục tiêu học tập; cá nhân hóa việc học tập, nâng cao hiệu quả học tập có sự trợ giúp của giáo viên và trợ giảng ảo.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng cơ chế đặc thù cho các trung tâm đổi mới sáng tạo để thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về CNTT ở địa phương;

- Hoàn thiện thể chế, các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, các tập đoàn công nghệ cao, xây dựng hạ tầng về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT ở địa phương theo Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

7. Sở Tài chính

Tiếp cận và triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài chính; căn cứ quy định pháp luật cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

8. Sở Công Thương

- Tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở của địa phương trong lĩnh vực công nghiệp là đầu vào cho các ứng dụng sẵn có, phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT;

- Từng bước triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực công nghiệp nhằm cải tiến thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm công nghiệp;

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thương mại điện tử: dự báo xu hướng nhu cầu, tối đa hóa và tự động hóa đàm phán và thương lượng

với nhà cung cấp; tự động hóa nhà xưởng và điều hành quản lý; tối ưu hóa bán hàng, phân loại sản phẩm; tối ưu hóa giá, cá nhân hóa quảng bá và đáp ứng nhu cầu hiển thị trang webs trong thời gian thực; cá nhân hóa các khuyến nghị, cung cấp hỗ trợ trực tuyến với các trợ lý ảo; tự động thanh toán tại cửa hàng và hoàn thiện phân phối.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở trong nước trong lĩnh vực nông nghiệp là đầu vào cho các ứng dụng sẵn có, phục vụ cho nhu cầu ứng dụng TTNT;

- Tiếp cận và triển khai các ứng dụng TTNT trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhằm cải tiến thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo quy trình sản xuất, minh bạch xuất xứ sản phẩm, hàng hoá.

10. Sở Giao thông vận tải

Tiếp cận và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực giao thông, vận tải, logistics: tự động phát hiện định danh phương tiện giao thông, xác định tốc độ và tự động hóa quy trình xử lý tại các trung tâm giám sát điều hành giao thông đường bộ; cải tiến quy trình của trạm giám sát và thu phí giao thông đường bộ gắn với phát hiện và nhận dạng phương tiện giao thông; cung cấp dữ liệu phục vụ tối ưu hóa các hệ thống logistics; cung cấp dịch vụ tự động tìm đường và tư vấn khách hàng trong các mô hình vận tải công nghệ; nghiên cứu, triển khai các giải pháp cảnh báo tình huống nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện; hỗ trợ thống kê, đánh giá, phân tích và lập kế hoạch phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng giao thông, xây dựng quy hoạch giao thông vận tải, quản lý điều hành giao thông thông minh.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Sớm triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực văn hóa và du lịch: phát triển công nghiệp văn hóa số, tự động hóa quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa các địa điểm văn hóa, du lịch Hà Nam, kết hợp với các dịch vụ tư vấn du lịch thông minh hướng người dùng; dự báo xu hướng và cá nhân hóa loại hình du lịch dựa trên phân tích thông tin trên mạng xã hội quan điểm người dùng, góp phần nâng cao chất lượng quy hoạch và chất lượng dịch vụ du lịch thông minh.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tổ chức hợp tác đào tạo về TTNT và KHDL cho người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn chủ động tiếp cận, triển khai ứng dụng TTNT và KHDL phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển và các quy định của trung ương.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Hà Nam

Đẩy mạnh triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực ngân hàng: phân tích, dự đoán nhu cầu vay vốn, đối tượng vay vốn, hỗ trợ hoạt động cấp

tín dụng; phát hiện các hành vi gian lận; cá nhân hóa các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tức thời cho khách hàng thông qua các trợ lý ảo.

14. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp cận triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: dự báo số liệu ngành tài nguyên môi trường, áp dụng TTNT trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra, khảo sát về đất đai và tài nguyên môi trường nhằm cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản về đất đai và tài nguyên môi trường theo thời gian thực; đảm bảo xử lý hiệu quả ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

15. Sở Y tế

- Tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở của địa phương và trong nước trong lĩnh vực y tế là đầu vào cho các ứng dụng sẵn có, phục vụ cho nhu cầu ứng dụng TTNT;

- Khẩn trương triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe người dân: hỗ trợ bác sỹ trong phát hiện, chẩn đoán và ra quyết định, theo dõi và chăm sóc sức khỏe bệnh nhân từ xa, cá nhân hóa việc điều trị, nghiên cứu sản xuất và bào chế thuốc.

16. Sở Tư pháp

Xây dựng và hoàn thiện bổ sung các văn bản pháp luật về trách nhiệm pháp lý của các đối tượng liên quan tới TTNT.

17. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn

Nhanh chóng tiếp cận, triển khai nghiên cứu, ứng dụng TTNT và KHDL phù hợp với đặc điểm, định hướng của đơn vị, của tỉnh, chương trình được phê duyệt; chủ động hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện.

18. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ

Định hướng công tác thông tin, tuyên truyền về Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT và Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch, làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch đến năm 2025 và xác định các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030.

2. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đẩy nhanh ứng dụng các giải pháp TTNT trong quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công.

4. Các đơn vị, địa phương định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh hình triển khai thực hiện để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch để xây dựng dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định;

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật.

Các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, KGVX;
- Lưu: VT, KGVX (thành).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng